TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 220/2022/DS - PT
Ngày: 26/9/2022
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Lê Phước Thanh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Phương Mai** -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 8/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

- Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2279/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Kim Đ, sinh năm 1947; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế; bà Đ vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1958; địa chỉ: phường H, thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 15/4/2021); ông T có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Vũ Thái H, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị Kim D, sinh năm 1965; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Bình; ông H vắng mặt, bà D có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Uỷ ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

Ông Hoàng Ngọc Đ - Chủ tịch UBND thành phố đại diện. Ủy quyền cho ông Lê Tuấn L - Phó Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố tham gia tố tụng, ông Lợi có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1958 và bà Phan Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 30, đường Bàu Tró, phường H, thành phố H, bà H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Chí T, ông T có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được xác định như sau:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/12/2003 bà Ngô Thị Kim Đ được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận QSD đất số Y 412008 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12, diện tích 143,5 m^2. Đầu năm 2013 bà Đ kiểm tra lại diện tích đất được cấp thì được biết ông Vũ Thái H bà Hoàng Thị Kim D lấn chiếm 21 m^2 đất để xây nhà tạm bằng tường gạch lợp phi bờ rô xi măng. Ngày 14/10/2014 bà Đ làm đơn gửi đến UBND phường H để được giải quyết nhưng không hòa giải được, bà Đ làm đơn khởi kiện đến Tòa án thành phố yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D, sau nhiều lần địa phương giải quyết nhưng không được. Nay bà Đ khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông H bà D tháo dỡ công trình trên đất để trả lại cho nguyên đơn phần đất đã lấn chiếm khoảng 21m^2 của thửa đất số 52 tờ bản đồ 12 tại phường H, thành phố H.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn hủy giấy chứng nhận QSD đất của nguyên đơn vì lý do: thửa đất đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho nguyên đơn có một phần diện tích và tài sản gắn liền với đất của gia đình bị đơn đã sử dụng ổn định trước đó từ năm 1994, đồng thời việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Đ không đảm bảo các quy trình theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không đồng ý bởi: lý do bị đơn đưa ra là hoàn toàn giả dối và không có căn cứ. Thực chất của vụ án hoàn toàn trái ngược với đơn yêu cầu của bà D. Bằng chứng là qua hai lần đo đạc, kiểm tra thực tế, UBND phường H và Chi nhánh Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố H đều xác định "có một phần nhà của ông, bà Vũ Thái H - Hoàng Thị Kim D xây dựng trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính phường H đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Ngô Thị Kim Đ", như vậy là ông H, bà D đã lấn chiếm, xây dựng trái phép trên diện tích đất đã cấp cho bà Đ

- *Bị đơn bà Hoàng Thị Kim D và ông Vũ Thái H trình bày tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa như sau*: Ngày 30/11/1994 UBND phường H cấp cho gia đình ông, bà thửa đất ở theo giấy báo giao quyền sử dụng đất số 124, thửa đất số 54, tờ

bản đồ số 12 phường H với diện tích là 175,1m^2. Gia đình ông bà đã xây nhà ở, khuôn viên hàng rào và sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ năm 1994 đến nay và được UBND phường H, UBND thị xã H xác nhận tài sản trên đất. Việc cắm mốc thi công công trình thực hiện một cách công khai, được chính cán bộ UBND phường cắm mốc. Thời điểm cấp đất, khu vực này sâu so với mặt đường khoảng 2-3 m; lô đất gia đình ông bà được cấp ngay giữa dốc và có vòng cung sâu nhất nên phải đổ nhiều đất để ngang mặt đường như hiện nay, trong khi việc đo đạc cắm mốc bằng thước dây nên không chính xác. Do vậy hồ sơ kỹ thuật và diện tích đất thực tế là khác nhau. Như vậy về nguồn gốc đất của gia đình ông bà hoàn toàn rõ ràng, hợp pháp; Năm 2011 gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 12 phường H với diện tích 175,1 m^2 là không đúng với diện tích thực tế mà gia đình bà sử dụng, do thiếu hiểu biết và được UBND phường Hải thành, cán bộ địa chính giải thích sẽ làm bổ sung sau phần diện tích còn thiếu theo hiện trạng, hơn nữa diện tích đó nằm trong khuôn viên hàng rào, được xây dựng công trình phụ ở ổn định từ năm 1994. Tháng 10/2014 ông bà rất bất ngờ khi UBND phường H mời đến để giải quyết việc bà Đ cho rằng ông bà lấn chiếm đất và tổ chức hoà giải giữa hai bên. Việc bà Đ cho rằng ông bà lấn chiếm đất bà Đ là hoàn toàn không có căn cứ, bởi sau lưng thửa đất gia đình ông bà là lô đất trống chứ không phải đất của bà Đ. Khi bà Đ làm thủ tục cấp thẻ đỏ trước, ông bà là hộ có thửa đất liền kề nhưng ông bà không được ký giáp ranh nên gia đình ông bà không hề biết có lô đất của bà Đ phía sau nên giờ mới xảy ra tranh chấp. Ông bà không có sơ đồ đất cụ thể nên không phát hiện ra việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ cấp sai vị trí, mãi sau này ông bà mới biết.

Về quy trình cấp giấy chứng nhận QSD đất của nguyên đơn: Giấy chứng nhận QSD đất của bà Đ được cấp năm 2003, theo quy trình cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thời điểm đó (Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD đất) thì UBND phường H phải xác nhận đất không có tranh chấp. Nhưng thực tế, diện tích đất được cấp cho bà Đ có một phần nằm trong khuôn viên hàng rào, công trình phụ của gia đình ông bà. Việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Đ mà một phần diện tích chồng lấn lên hàng rào và công trình phụ của bị đơn là trái pháp luật. Trong trường hợp nếu cấp cho bà Đ thì phải thu hồi đất của ông bà và đền bù theo quy định của pháp luật đất đai mới cấp cho bà Đ; Theo thông báo giao quyền sử dụng đất số 97/GB ngày 25/7/1994 của UBND phường H thì bà Đ được cấp đất trước gia đình ông bà hơn 4 tháng (30/11/1994 so với 25/7/1994). Khi bị đơn làm nhà, phía tây là lô đất trống, đúng như trong sơ đồ cấp đất của bị đơn, nếu căn cứ vào thông báo giao đất theo sơ đồ của bị đơn và bà Đ thì vị trí lô đất của bà Đ không phải phía tây lô đất của bị đơn mà là phía tây của lô đất bà Lan (nay đã chuyển đổi cho ông Trần Thanh Hải).

Đề nghị Toà án bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Đ và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

- *Ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị H trình bày:* Ông H, bà D đã xây nhà trái phép trên đất của bà Đ, diện tích lấn chiếm khoảng 22 m^2, không phải là phần diện tích và tài sản gắn liền với đất của gia đình bị đơn đã sử dụng ổn định trước đó từ năm 1994. Khi phát hiện việc ông H bà D xây dựng nhà lấn chiếm đất, chúng tôi đã trình báo với chính quyền địa phương, cán bộ địa chính phường H đã kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên tranh chấp, đo đạc, đối chiếu với thực địa đã xác định vị trí ông H xây nhà thuộc phần đất của bà Đ và yêu cầu ông H phải tháo dỡ công trình đã xây dựng trái phép nhưng ông H không chấp hành. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ là có trước và đúng quy định, việc lấn chiếm đất của ông H là sai, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H bà D tháo dỡ công trình đã xây dựng trái phép trên đất của bà Đ và trả lại phần đất đã lấn chiếm.

- *Ủy ban nhân dân thành phố H có Văn bản ghi ý kiến số 3274/UBND-TNMT ngày 28/12/2021 :* Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình như sau: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Kim Đ đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12 tại phường H, thành phố H được lập đại trà (kê khai đồng loạt cùng với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại phường H). Theo hồ sơ do bà Đ kê khai, được UBND phường H xác nhận, thửa đất nói trên có nguồn gốc được UBND phường H cấp ngày 25/7/1994. Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận do gia đình kê khai, đã được UBND phường xác nhận và biên bản thẩm định ngày 31/10/2003, ngày 29/12/2003 UBND thành phố đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đ đối với thửa đất nói trên theo quy định. Theo Giấy chứng nhận đã cấp cho bà Đ thửa đất nói trên có diện tích 143,5 m^2 đất ở, đúng với diện tích thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính phường H được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) ký duyệt năm 1996. Qua xem xét, việc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận cho gia đình bà Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001); Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một sồ điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai). Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Đ đối với thửa đất nói trên được thực hiện đúng quy định tại Mục I Chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của tổng cục địa chính hướng dẫn việc đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Với nội dung vụ án được xác định như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 8/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã Quyết định:

- Áp dụng Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001); Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một sồ điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai); Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 105, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Đ, buộc bị đơn là ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm để trả lại 21,5 m^2 đất cho bà Ngô Thị Kim Đ có tứ cận: (cạnh phía đông bắc giáp thửa đất số 53 và đất trống là 2,36m, cạnh phía tây bắc giáp đất bà Đ là 9,47 m, cạnh phía đông nam giáp đất ông H bà D là 9,50 m, cạnh phía tây nam giáp đường giao thông là 2,30 m). (có sơ đồ kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Kim D về việc: huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 412008 do UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp cho bà Ngô Thị Kim Đ ngày 29/12/2003 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12 phường H, thành phố H.

3. Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký biến động về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bản án sơ thẩm còn Quyết định về: chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xử sơ thẩm: Ngày 21/6/2022, bị đơn – ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D (sau đây gọi là Bị đơn) kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm: không chấp nhận trả lại cho Nguyên đơn 21,50m^2 đất vì không có căn cứ pháp lý; chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn, hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho Nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo, vẫn giữ nội dung kháng cáo như trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn vì các nội dung này cấp sơ thẩm đã xem xét, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm: không chấp nhận trả lại cho Nguyên đơn 21,50m^2 đất vì không có căn cứ pháp lý; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho Nguyên đơn thì thấy:

[1.1]. Đối với kháng cáo không chấp nhận trả lại cho nguyên đơn 21,50m^2 đất: Bản án sơ thẩm nhận định: "Căn cứ vào hồ sơ cấp đất và bản đồ địa chính phường H năm 1996 và năm 2014 thì thửa đất số 52 của bà Đ có diện tích 143,5 m^2 có vị trí phía đông nam sát với đất ông H bà D (thửa đất số 54), phía tây bắc giáp đất nghĩa trang liệt sỹ. Trong khi đó thửa đất của ông H và bà D có diện tích 175,1 m^2, chiều dài cạnh phía đông bắc giáp thửa đất số 53 là 18,10m, nhưng thực tế là 20,46 m; cạnh phía tây nam giáp đường giao thông là 18,20 m nhưng thực tế là 20,50 m. Mặc dù ông H bà D cho rằng ông bà đã xây dựng hàng rào và công trình phụ trên đất từ năm 1994 và không có tranh chấp, tuy nhiên tại thời điểm ông H bà D xây dựng thì thửa đất số 52 được cấp cho bà Đ chưa có ai sử dụng hơn nữa tại biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 24/10/2014 do UBND phường H tổ chức có sự tham gia của ông H và bà Đ, UBND phường H xác định theo thực tế đo vẽ hiện trạng, căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đã xây dựng công trình lấn chiếm phần đất bà Đ là 2,2 m, kết quả kiểm tra đo hiện trạng của UBND phường H một cạnh phía tây nam giáp đường giao thông kích thước 2,3 m và một cạnh phía đông bắc có kích thước 2,35 m (BL: 15, 18).

Căn cứ kết quả thẩm định tại chổ ngày 12/4/2022 của Hội đồng thẩm định, xác định ông H bà D đã xây dựng công trình lấn sang phía tây bắc (đất của bà Đ) cạnh phía đông bắc 2,36 m, cạnh phía tây nam 2,30 m, cạnh phía đông nam 9,50 m, cạnh phía tây bắc 9,47 m, tổng diện tích là 21,5 m^2. Theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Dân sự về ranh giới giữa các bất động sản "1. Ranh giới giữa các bất động sản

liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền…không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách…Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung. 2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác…", như vậy pháp luật quy định mọi chủ thể phải có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung, không được lấn chiếm. Ở đây phía bị đơn ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D đã sử dụng đất và xây dựng công trình lấn sang phần đất của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim Đ với kích thước và diện tích theo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H và bà D tháo dỡ công trình trên đất đã lấn chiếm để trả lại cho nguyên đơn bà Đ diện tích đất 21,5 m^2 (có sơ đồ kèm theo)". Nhận định của Bản án sơ thẩm được trích dẫn ở trên để buộc ông H và bà D tháo dỡ công trình trên đất đã lấn chiếm để trả lại cho nguyên đơn – bà Ngô Thị Kim Đ diện tích đất 21,5 m^2 là có căn cứ, đúng quy định. Kháng cáo của ông H và bà D về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[1.2]. Xét kháng cáo yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho Nguyên đơn thì thấy:

Khi lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ, UBND phường H và các cơ quan có thẩm quyền của thành phố H đã xác định và căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất được đo vẽ năm 1996 và bản đồ địa chính để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ là đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Bị đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn về nội dung này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Đ; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D về hủy Giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Ngô Thị Kim Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm: ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên kháng cáo của ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định về: Chi phí thẩm định; Án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Áp dụng Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001); Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một sồ điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai); Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 105, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Đ, buộc bị đơn là ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm để trả lại 21,5 m^2 đất cho bà Ngô Thị Kim Đ có tứ cận: (cạnh phía đông bắc giáp thửa đất số 53 và đất trống là 2,36m, cạnh phía tây bắc giáp đất bà Đ là 9,47 m, cạnh phía đông nam giáp đất ông H bà D là 9,50 m, cạnh phía tây nam giáp đường giao thông là 2,30 m). (có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị Kim D về việc: huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 412008 do UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp cho bà Ngô Thị Kim Đ ngày 29/12/2003 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 12, phường H, thành phố H.

3. Các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký biến động về đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: ông Vũ Thái H và bà Hoàng Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0005001 ngày 22/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Các quyết định về: Chi phí thẩm định, định giá tài sản; Án phí sơ thẩm và Quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo Quyết định tại Bản án sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Bình (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến